

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI HÀ NỘI                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 489/2020/HS-PT**

Ngày: 30/9/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Nguyễn Tất Nam.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Biều và ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 339/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020; do có kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Th và những người bị hại, gồm: Trần Thế A, Hoàng Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

\* *Bi cáo có kháng cáo và bi kháng cáo:*

Vũ Thi Th, tên gọi khác: không; Sinh năm 1985 tại tỉnh Bắc Can;

Nơi đăng ký HKTT: Xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình;

Tạm trú tại: Số 92, ngõ 98, tổ 4, phường CD, quận NTL, Thành phố Hà Nội; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; họ và tên bố: VVH; họ và tên mẹ: Hoàng Thị H; bị cáo có chồng là: Nguyễn Quang H và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020 (mới sinh); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Trọng Vi, Luật sư Công ty luật TNHH Tầm Nhìn Việt, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

\* *Những bi hại có kháng cáo:*

1. Anh Trần Thế A, sinh năm 1976:

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ 6, phường CD, quận NTL, Thành phố Hà Nội, vắng mặt;

2. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn chợ M, xã Vạn T, huyện Ba V, Thành phố Hà Nội, vắng mặt;

*\* Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Trần Thế A và chị Hoàng Thị H:* Bà Phạm Thị H, Luật sư Công ty luật TNHH Phạm V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa.

*\* Ngoài ra còn có:* Những người bị hại không kháng cáo, gồm: Bà Phan Thị H, ông Trần Văn L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm: Anh Nguyễn Thanh L, anh Vũ Đức A, anh Trần Văn C, anh Nguyễn Quang H không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Th tuy không phải là cán bộ trong lực lượng Công an nhân dân, nhưng Th đã đưa tin, nói dối mình là cán bộ Công an công tác tại Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động K20 - Bộ Công an, có nhiều mối quan hệ xã hội nên có khả năng xin việc làm tại các cơ quan Nhà nước, vào các đơn vị thuộc Công an. Do tin tưởng nên trong thời gian từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 10 năm 2016 nhiều người đã đưa tiền cho Th để nhờ xin việc. Vũ Thị Th đã nhận tổng số 635.000.000 đồng của 04 người để hứa xin việc cho họ nhưng bị cáo đã không xin được trường hợp nào đi làm, ngược lại dùng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại. Số tiền bị cáo nhận của những người bị hại cụ thể như sau:

Thông qua mối quan hệ quen biết giữa chị Phạm Thị H với Vũ Thị Th, bà Đặng Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh L đã đặt vấn đề nhờ chị H hỏi xem Th có xin được việc cho anh Liêm vào Bệnh viện 354 Bộ Quốc phòng không. Chị H đã nhận lời và đã đặt vấn đề với Vũ Thị Th xin việc cho anh Liêm; Vũ Thị Th đã nhận lời và cho biết có thể xin việc cho anh Liêm vào làm việc tại Phòng tài chính của Bệnh viện, với chi phí là 450.000.000đ, phải đưa trước cho Th 200.000.000đ cùng hồ sơ xin việc, số tiền còn lại lúc nào anh Liêm được đi làm sẽ đưa cho Th. Ngày 07/01/2016 anh Liêm đã đưa cho chị H số tiền 200.000.000đ và hồ sơ, cùng ngày tại Nhà mình chị H đã đưa hồ sơ và số tiền này cho Vũ Thị Th để xin việc cho anh Liêm; bị cáo Th viết giấy nhận tiền, cam kết hết tháng 9/2016 nếu không xin việc được sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho anh Liêm.

Cùng trong tháng 01/2016, anh Vũ Đức A là cháu của chị H cũng có nhu cầu xin việc làm nên đã nhờ chị H hỏi giúp anh Đức A để xin vào làm việc tại Công an tỉnh Đồng Nai, chị H đã hỏi bị cáo Th và được Th nhận lời với mức chi phí xin việc là 380.000.000đ, phải đưa trước cho bị cáo Th số tiền 180.000.000đ cùng hồ sơ xin việc của anh Đức A, số tiền còn lại sẽ thanh toán nốt khi anh Đức A được đi làm. Ngày 12/5/2016 anh Đức A đã chuyển và tài khoản cho chị Phạm Thị H số tiền 180.000.000đ, đồng thời gửi cho chị H hồ sơ xin việc. Ngày 13/5/2016 chị H đã rút tiền tại Ngân hàng số tiền trên và đã chuyển lại cho bị cáo Th trong ngày, vài ngày sau chị H đã đưa cho Th bộ hồ sơ của anh Đức A. Đến

tháng 6/2016, chị H yêu cầu Th viết giấy biên nhận số tiền 180.000.000đ, bị cáo cam kết đến ngày 30/11/2016 nếu không xin được việc cho anh Đức A thì sẽ hoàn trả lại tiền.

Đến thời hạn như đã hẹn nhưng không thấy bị cáo xin được việc cho anh Liêm và anh Đức A, chị H đã nhiều lần yêu cầu Vũ Thị Th trả lại tiền, nhưng bị cáo không trả mà viết giấy cam kết ngày 08/9/2016, ngày 26/01/2017, giấy hẹn ngày 12/01/2017 khát hẹn trả tiền cho chị H. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa trả lại tiền cho bị hại.

Tổng số tiền chị Phạm Thị H đã đưa cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt là 380.000.000đ.

Tại Bản Kết luận giám định số 2136/KLGD-PC09-Đ4 ngày 10/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên bị cáo Vũ Thị Th trên tài liệu cần giám định các giấy cam kết ngày 08/9/2016, ngày 26/01/2017; các giấy nhận tiền ngày 13/5/2016, ngày 07/01/2016; giấy hẹn ngày 12/01/2017 so với mẫu chữ viết, chữ ký của bị cáo Vũ Thị Th là do cùng một người viết và ký ra.

Cũng bằng thủ đoạn trên, thông qua mối quan hệ quen biết, anh Trần Thế A đã nhờ bị cáo Th xin cho mình vào làm việc tại Chi cục thuế quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; bị cáo nhận lời với yêu cầu chi phí xin việc là 300.000.000đ, anh Thế Anh phải đưa trước cho bị cáo số tiền 75.000.000đ, số tiền còn lại sẽ thanh toán khi anh Thế Anh được đi làm. Ngày 12/5/2016 anh Thế Anh đã chuyển khoản cho Vũ Thị Th số tiền 75.000.000đ và đưa hồ sơ cho bị cáo; hôm sau ngày 13/5/2016, bị cáo đến nhà anh Thế Anh ký vào giấy biên nhận vay số tiền trên, bị cáo cam kết đến ngày 30/7/2016 nếu không xin được việc sẽ hoàn trả lại tiền.

Cũng trong tháng 5/2016, Trần Thế A có nhờ bị cáo Th xin việc cho em họ là Hoàng Thị H, bị cáo nhận lời xin giúp chị Hương vào làm việc tại Trường Cao Đẳng Quân y 1, Học viện Quân y, Bộ Quốc phòng với chi phí xin việc là 320.000.000đ, số tiền đưa trước cho Th là 80.000.000đ cùng hồ sơ của chị Hương, số tiền còn lại sẽ thanh toán nốt khi chị Hương đi làm. Ngày 02/6/2016 chị Hoàng Thị H đã chuyển khoản cho anh Trần Thế A số tiền 80.000.000đ để nhờ Thế Anh chuyển cho Th, ngày 03/6/2016 Trần Thế A đã chuyển khoản cho bị cáo số tiền 80.000.000đ, cùng ngày bị cáo Th đã đến nhà anh Thế Anh ký vào giấy biên nhận do Thế Anh đánh máy sẵn; bị cáo cam kết đến ngày 25/9/2016 nếu không xin được việc cho chị Hương sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận.

Cũng trong khoảng thời gian này, Trần Thế A tiếp tục nhờ bị cáo xin việc cho anh họ là Trần Văn C vào cơ quan Nhà nước; bị cáo hứa sẽ xin việc cho anh C vào Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động K20 - Bộ Công an, với mức chi phí là 400.000.000đ, phải ứng trước cho Th 100.000.000đ cùng hồ sơ xin việc, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi anh C có quyết định đi làm. Anh Thế Anh đã thông tin lại cho bố anh C là ông Trần Văn L và anh C biết; ông Lợi, anh C đã đồng ý và nhờ anh Thế Anh xin việc cho anh C. Ngày 05/6/2016, Trần Văn C đã đến nhà và đưa cho Thế Anh số tiền 50.000.000đ cùng hồ sơ xin việc, đến ngày 06/6/2016

Thế Anh đã chuyển qua tài khoản cho Th số tiền 50.000.000đ, ngày 20/6/2016 bị cáo Th đã đưa cho Thế Anh một bộ hồ sơ xin việc để chuyển cho anh Trần Văn C khai lý lịch và đi khám sức khỏe tại Bệnh viện 19/8 Bộ Công an, đến đầu tháng 7/2016 anh Trần Văn C và Trần Thế A đã đến giao lại cho Th hồ sơ xin việc. Ngày 01/8/2016 Trần Văn C tiếp tục đưa cho Trần Thế A 50.000.000đ tại nhà Trần Thế A để nhờ đưa cho Th, đến chiều ngày 02/8/2016 tại trước cửa phòng giao dịch Mỹ Đình, Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Tây, Trần Thế A đã đưa cho Vũ Thị Th 50.000.000đ; đến ngày 03/8/2016 bị cáo Th đến nhà anh Thế Anh ký vào giấy biên nhận số tiền trên với ông Trần Văn L, bị cáo cam kết đến ngày 10/10/2016 nếu bị cáo Th không xin được việc cho anh C sẽ hoàn trả lại tiền.

Tổng cộng anh Trần Thế A đã đưa cho bị cáo Th số tiền 255.000.000đ để nhờ xin việc; đến tháng 9/2017 bị cáo không xin được việc như đã hẹn, anh Thế Anh đã yêu cầu Th trả lại tiền; đến ngày 16/9/2017, bị cáo Th có viết 03 giấy hẹn trả tiền đã nhận cho anh Thế Anh, chị Hoàng Thị H và ông Trần Văn L; nhưng sau đó bị cáo không trả lại mà chiếm đoạt cho đến nay.

Tại Bản Kết luận giám định số 1670 ngày 14/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên bị cáo Vũ Thị Th dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định giấy biên nhận ngày 13/5/2016 (ký hiệu A1); dưới mục “Người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định các giấy biên nhận ngày 03/6/2016, ngày 02/8/2016 (ký hiệu A2, A3); trên tài liệu cần giám định 03 giấy hẹn ngày 16/9/2017 (Ký hiệu A4, A5, A6); dưới mục “Người nhận” trên tài liệu cần giám định ghi chữ “ Vào hồi 16h 15’ ngày 02/8/2016...” (ký hiệu A7), so với mẫu chữ ký, chữ viết của bị cáo Vũ Thị Th là do cùng một người viết và ký ra.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành điều tra trong khoảng thời gian trên thì các cơ quan như bị cáo Th hứa xin việc cho các bị hại vào làm việc, không có cơ quan, đơn vị nào tuyển dụng, cũng như tiếp nhận hồ sơ thuộc những đối tượng trên.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Vũ Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Thị Th 12 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn buộc trách nhiệm bồi thường dân sự; trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử, ngày 04/4/2020 bị cáo Vũ Thị Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 01/4/2020 bị hại Trần Thế A và ngày 09/4/2020 chị Hoàng Thị H có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 12 năm tù là quá nặng; bị cáo đã ý thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn chồng không có công việc làm ổn định, bị cáo mới sinh con; thực chất số tiền bị cáo nhận của những người bị hại bị cáo chuyển cho người khác để lo việc, nhưng bị cáo không có chứng cứ để chứng minh.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá các chứng cứ cho rằng, cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 12 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, những người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không có căn cứ gì mới nên không có căn cứ.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và những người bị hại, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*\* Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu bào chữa:* Không tranh luận gì về tội danh; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*\* Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại có kháng cáo gửi bài phát biểu thể hiện:* Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù là quá nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi vì, bị cáo không phải là người làm việc ở Bộ Công an (K20) nhưng đã đưa ra thông tin không đúng sự thật là mình làm việc ở đây và có nhiều mối quan hệ quen biết để lừa đảo, chiếm đoạt tiền của những bị hại; trong quá trình giải quyết vụ án không có ý thức khắc phục hậu quả. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo. Về dân sự buộc bị cáo hoàn trả lại tiền cho những người bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị Th khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 8 năm 2016, Vũ Thị Th tuy không phải là cán bộ trong ngành Công an, mặc dù biết mình không có khả năng xin việc; nhưng để tạo lòng tin cho các bị hại, Th đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin không đúng sự thật nhận tiền của nhiều người để hứa đưa người bị hại, con em hoặc người thân của họ đi làm việc trong các cơ quan thuộc lực lượng Công an, Quân đội và các cơ quan Nhà nước để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể bị cáo đã nhận tiền của 04 người bị hại gồm Phạm Thị H, Hoàng Thị H, Trần Thế A và Trần Văn L.

Mặc dù sau đó không thực hiện được như cam kết nhưng bị cáo đã chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 635.000.000 đồng. Với những hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Thị Th về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Th là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có am hiểu pháp luật nhưng vì hám lợi đã có nhiều hành vi gian dối tạo niềm tin để chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số tiền lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan Nhà nước, lực lượng vũ trang, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và những người bị hại đề nghị tăng hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, xem xét áp dụng đầy đủ cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đang mang thai (nay đã sinh); có hoàn cảnh khó khăn đang bị bệnh, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, trong vụ án này những người bị hại cũng có một phần lỗi là đã quá tin tưởng giao tiền cho bị cáo để nhằm mục đích cho con, em mình đi làm trong các cơ quan Nhà nước, lực lượng vũ trang nhưng không phải thông qua thi tuyển theo quy định. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, nên cần chấp nhận kháng cáo của những bị hại để áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 600.000.000đ nên mức án 12 năm tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ, phù hợp. Những căn cứ người bị hại đưa ra đã được cấp sơ thẩm xem xét, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo cũng như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của những người bị hại. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm, những người bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Th, chấp nhận một phần kháng

cáo của những người bị hại là anh Trần Thế A, chị Hoàng Thị H; sửa Bản án sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Th 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Th phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, anh Trần Thế A, chị Hoàng Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- Tòa án Thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Cục THADS - Thành phố Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tất Nam    Vũ Thị Thu Hà**

## Thái Duy Nhiệm

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 30/9/ 2020*

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại phòng nghị án số 5, Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Hà Nội;

**Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**



- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Duy Nhiệm;
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;  
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 339/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với:

Vũ Thị Th, tên gọi khác: không; Sinh năm 1985 tại tỉnh Bắc Cạn; nơi đăng ký HKTT: Xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; tạm trú tại: Số 92, ngõ 98, tổ 4, phường CD, quận NTL, Thành phố Hà Nội; bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 với mức hình phạt 12 năm tù.

*Căn cứ vào các Điều 299, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Th, chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị hại là anh Trần Thế A, chị Hoàng Thị H; sửa Bản án sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Th 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

#### ***Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí;***

Các vấn đề khác:

- Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Th phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, anh Trần Thế A, chị Hoàng Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### ***Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý;***

Nghị án kết thúc cùng ngày; biên bản nghị án đã đọc lại cho các thành viên nghe, cùng ký tên./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tất Nam**

**Vũ Thị Thu Hà**

**Thái Duy Nhiệm**